

Số: 486/QĐ-SKHCN

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2021

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỒNG NAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 25/08/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành bản Quy định về tổ chức và hoạt động của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4689/QĐ - UBND ngày 09/12/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-STC ngày 10/12/2020 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2021;

Căn cứ Thông báo số 918/TB-SKHĐT ngày 09/12/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc Thông báo kế hoạch đầu tư công năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-SKHCN ngày 30/12/2020 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ về việc giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 của Khối Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng và đơn vị trực thuộc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Khối Văn phòng Sở, đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Lưu: VT, Kế toán;
- D\VP033-congbocongkhaidutoannam021/7b

KT. GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC
SỞ
KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Nguyễn Minh Hậu



DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 486/QĐ-SKHCN ngày 31/12/2020 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2021)
đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	Nội dung	Loại khoản	MN NS	Tổng số dự toán giao			Dự toán đã được phân bổ		Chi tiết theo đơn vị sử dụng			
				Nguồn NS tỉnh cấp	Số tiết kiệm thực hiện cải cách tiền lương của ngân sách tỉnh	Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn NS tỉnh cấp	Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị	Văn phòng Sở KH&CN		Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng	Trung tâm Khoa học và Công nghệ
									Văn phòng Sở KH&CN	Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị		
I	DỰ TOÁN THU NS:											
1	Tổng dự toán thu											
	1. Số thu phí, lệ phí			407.000			407.000		377.000		30.000	
	2. Thu xử phạt vi phạm hành chính			500.000			500.000		500.000			
	3. Số phí, lệ phí nộp ngân sách			159.000			159.000		129.000		30.000	
	4. Thu xử phạt vi phạm hành chính			500.000			500.000		500.000			
	5. Số được để lại sử dụng			248.000			248.000		248.000		-	
	+ Trích nguồn cải cách tiền lương			113.000			113.000		113.000			
	+ Bổ sung kinh phí hoạt động			135.000			135.000		135.000			
II	DỰ TOÁN CHI NSNN			80.505.000	6.835.000	154.000	73.644.000	154.000	67.339.000	154.000	3.461.000	2.870.000
A	Quản lý nhà nước	L340		6.879.000	250.000	154.000	6.603.000	154.000	5.409.000	154.000	1.220.000	-
1	1. Kinh phí hoạt động thường xuyên	L340-K341	13	6.395.000	250.000	154.000	6.145.000	154.000	4.925.000	154.000	1.220.000	-
	Chi con người VP Sở 38 biên chế; Chi cục TĐC 9 biên chế)			3.900.000		154.000	3.900.000	154.000	3.044.000	154.000	856.000	
	Chi con người VP Sở 55 triệu; Chi cục TĐC 45 triệu đồng)			2.495.000	250.000		2.245.000		1.881.000		364.000	
2	2. Kinh phí không thường xuyên	L340-K341	12	484.000			458.000		484.000			
	a) Hợp đồng theo NĐ 161 (5 người)			458.000			458.000		458.000			

	<i>b) Các nhiệm vụ - Kinh phí đồng phục thanh tra</i>			26.000			26.000		26.000			
B	Chi sự nghiệp			73.626.000	6.585.000		67.041.000	-	61.930.000		2.241.000	2.870.000
I	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	L100		70.626.000	6.285.000		64.341.000	-	59.230.000		2.241.000	2.870.000
1	Kinh phí thực hiện tự chỉ			2.870.000			2.870.000	-				2.870.000
	<i>Trung tâm Khoa học và Công nghệ Hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên</i>	L100- K103	13	2.870.000			2.870.000					2.870.000
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	L100		67.756.000	6.285.000		61.471.000	-	59.230.000		2.241.000	
	- Chi nhiệm vụ Khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cơ sở	<i>L100/1 01</i>	<i>16</i>	24.777.000	2.478.000		22.299.000		22.299.000			
	- Chi quỹ Khoa học và Công nghệ	<i>L100/1 03</i>	<i>12</i>	5.000.000			5.000.000		5.000.000			
	- Chi hoạt động Khoa học và công nghệ	<i>L100/1 03</i>	<i>12</i>	37.979.000	3.807.000		34.172.000		31.931.000		2.241.000	
II	Sự nghiệp đào tạo	L070- K85	12	3.000.000	300.000		2.700.000	-	2.700.000	-	-	-
	- Cấp các hồ sơ nghiệm thu học viên Chương trình 2			1.900.000	190.000		1.710.000		1.710.000			
	- Cấp các hồ sơ học viên tham gia Mục tiêu 2			1.000.000	100.000		900.000		900.000			
	- Chi công tác quản lý			100.000	10.000		90.000	-	90.000			

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-SKH-CN ngày 31/12/2019 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc công bố công khai dự toán NSNN năm 2021)

đơn vị tính: triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	DỰ TOÁN GIAO NĂM 2021
	Chủ đầu tư: Sở KH&CN	10.000,000
1	Trung tâm chiếu xạ Sở Khoa học Công nghệ (Ngân sách tỉnh 70%)	10.000,000
	Tổng cộng	10.000,000